

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG LÂM KẾT HỢP VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TẠI XÃ IA PAL, HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Nguyễn Thị Thu, Đặng Lê Thanh Liên, Nguyễn Hoàng Diệu Minh*

Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia Lai

*Email: nghdieuminh@hcmuaf.edu.vn

Ngày nhận bài: 16/12/2019; ngày hoàn thành phản biện: 25/02/2020; ngày duyệt đăng: 02/4/2020

TÓM TẮT

Tại xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai hiện có 5 mô hình Nông lâm kết hợp điển hình (Bò lời - Cà phê - Tiêu); (Bò lời - Tiêu - Sầu riêng); (Cà phê - Tiêu - Sầu riêng); (Cà phê - Sầu riêng - Bò); (Keo - Tiêu - Sầu riêng). Bài báo đã phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn, hiệu quả kinh tế của các mô hình. Từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển các mô hình nông lâm kết hợp tại xã IaPal, huyện Chư Sê để đạt hiệu quả tốt nhất.

Từ khóa: Nông lâm kết hợp, mô hình nông lâm kết hợp, phát triển mô hình nông lâm kết hợp

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã Ia Pal thuộc huyện Chư Sê, là một trong những xã điển hình áp dụng các mô hình nông lâm kết hợp (NLKH). Trong những năm gần đây, được sự giúp đỡ của Đảng và Nhà nước cùng với sự cố gắng của người dân việc đưa ra và áp dụng một số mô hình NLKH vào sản xuất đã bước đầu đem lại thu nhập tương đối ổn định [4]. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề cần phải xem xét và có hướng phát triển để xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả cao, bền vững cả về 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Giúp người dân tại xã Ia Pal có những giải pháp thiết kế xây dựng các hệ thống NLKH nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất góp phần nâng cao đời sống cho người dân tại địa phương là việc cần thiết.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2. 1. Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Kế thừa có chọn lọc những tài liệu của địa phương như: Các số liệu, báo cáo của

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình nông lâm kết hợp và đề xuất các giải pháp phát triển ...

xã, huyện về điều kiện tự nhiên, tình hình dân số, dân tộc, điều kiện kinh tế, đất đai của xã để phục vụ cho nghiên cứu (các nội dung này được lấy trực tiếp ở Ủy ban nhân dân xã Ia Pal).

2.2. Phương pháp thu thập tài liệu sơ cấp

- Phương pháp phỏng vấn: Sử dụng công cụ PRA (Đánh giá nông thôn có sự tham gia cộng đồng) để điều tra, thu thập thông tin từ cộng đồng, phương pháp này được triển khai theo trình tự sau đây:

+ Chọn điểm nghiên cứu: Trên địa bàn xã Ia Pal, chọn 08 thôn/làng điển hình để tiến hành điều tra các mô hình NLKH.

+ Xác định dung lượng mẫu (số lượng hộ cần điều tra): Theo quy định, dung lượng mẫu điều tra, phỏng vấn phải đảm bảo độ tin cậy trong xử lý thống kê ($n \geq 30$), kết hợp điều tra thăm dò, nhóm nghiên cứu xác định tổng số hộ điều tra tại xã Ia Pal là 45 hộ.

+ Đối tượng điều tra: các hộ gia đình có tham gia thực hiện mô hình NLKH.

- Phương pháp đánh giá hiệu quả mô hình NLKH:

Sử dụng bộ câu hỏi bán định hướng để đi phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình (theo bộ câu hỏi) về thông tin chung tình hình sử dụng đất, về thu nhập và chi phí của hộ điều tra. Tính hiệu quả của hệ thống NLKH/năm (H) [3]:

$$H = A + B + C$$

Trong đó: A là thu thập từ cây hằng năm

(A = tổng chi phí sản phẩm/năm – chi phí trung gian/năm)

B là thu nhập từ cây ăn quả

(B = tổng giá trị sản phẩm/năm (giai đoạn kinh doanh) – chi phí trung gian/năm (giai đoạn kinh doanh - tổng chi phí giai đoạn Kiến thiết cơ bản/chu kỳ kinh doanh dự kiến (năm).

C là thu nhập từ cây lâm nghiệp

(C = tổng giá trị sản phẩm cả chu kỳ/số năm của chu kỳ – chi phí vật chất cả chu kỳ/số năm của chu kỳ).

- Giá trị hiện tại ròng (NPV- Net Present Value): hiệu quả giữa giá trị thu nhập và chi phí thực hiện sau khi đã chiết khấu. Nói cách khác nó là lợi nhuận được quy về giá trị đồng tiền ở thời điểm hiện tại [1].

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{Bt - Ct}{(1 + i)^t}$$

Bt: Thu nhập tiêu thụ sản phẩm ở năm thứ t

Ct: Chi phí sản xuất ở năm thứ t

t: Chi số năm trong sản xuất

r: Tỷ lệ lãi suất tính toán hoặc tỷ lệ chiết khấu

n: năm hoạt động

NPV > 0 thì kinh doanh có lãi và ngược lại.

- Phương pháp tính điểm: Dựa vào sự đánh giá cảm quan của người dân thông qua phương pháp PRA dưới sự định hướng của nhóm nghiên cứu về một số tiêu chí đánh giá tác động của mô hình NLKH với môi trường và lựa chọn cây trồng ưu tiên trong mô hình NLKH.

Đánh giá các tiêu chí về bảo vệ môi trường: gồm các tiêu chí (các tiêu chí tính tổng hợp trên mô hình) [2].

+ Khả năng bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, cải tạo đất và sử dụng đất hiệu quả.

+ Khả năng bảo vệ nguồn nước (sự ổn định nguồn nước, bảo vệ nước sạch và nước tưới).

Mức cho điểm dựa trên các tiêu chí (thang điểm 10):

+ Tốt: từ 8 – 10 điểm

+ Trung bình: từ 5 – 7 điểm

+ Xấu: < 5 điểm

- Dựa trên cách cho điểm đánh giá của các mô hình, tổng hợp thành bảng đánh giá hiệu quả của tổng hợp của các mô hình theo các tiêu chí cho sẵn [2].

+ Hiệu quả kinh tế: Gồm chi phí và thu nhập.

+ Hiệu quả xã hội: Mức độ hài lòng; số hộ áp dụng; khả năng nhân rộng.

+ Hiệu quả môi trường: khả năng bảo vệ đất; khả năng bảo vệ nguồn nước.

Mức cho điểm được tính cho 5 mô hình khác nhau mỗi bậc cách nhau 0,2 điểm: 0,2; 0,4; 0,6; 0,8; 1.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm Excel để tổng hợp số liệu từ bảng câu hỏi đóng và mở. Tạo ra các bảng biểu phù hợp với nội dung nghiên cứu. Thống kê số hộ có đáp án trùng nhau, sau đó nhập thành bảng tổng hợp chung.

Kết quả điều tra được phân tích bằng ma trận SWOT.

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình nông lâm kết hợp và đề xuất các giải pháp phát triển ...

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Sự phân bố các mô hình NLKH tại xã Ia Pal, huyện Chư Sê

Theo kết quả điều tra tại xã Ia Pal, có 5 mô hình điển hình là: (1) Bời lời – Cà phê – Tiêu (Bl – Cf – T); (2) Bời lời – Tiêu – Sầu riêng (Bl – T – Sr); (3) Cà phê – Tiêu – Sầu riêng (Cf – T – Sr); (4) Cà phê – Sầu riêng – Bơ (Cf – Sr – B); (5) Keo – Tiêu – Sầu riêng (K – T – Sr). Các mô hình này được phân bố cụ thể trong bảng 1.

Bảng 1. Phân bố mô hình NLKH tại xã Ia Pal

S T T	Dạng mô hình	Số hộ điều tra	Cơ cấu (%)	Phân bố ở các thôn, làng							
				Thôn	Thôn	Thôn	Thôn	Thôn	Tào	Kueng	Tào
				1	2	3	4	5	Roòng	Thoa	Kuk
1	Bl-Cf-T	22	48,89%	4	4	6	2	3	2	0	1
2	Bl-T-Sr	13	28,89%	0	2	0	3	2	1	2	3
3	Cf-T-Sr	4	8,89%	1	0	1	0	0	2	0	0
4	Cf-Sr-B	4	8,89%	2	1	0	0	1	0	0	0
5	K-T-Sr	2	4,44%	0	0	0	0	0	0	1	1

Qua bảng 1 cho thấy mô hình (Bl – Cf – T) có số hộ tham gia nhiều nhất là 22/45 hộ, phân bố nhiều nhất tạo Thôn 3 (06 hộ), tại làng Kueng Thoa không có hộ nào tham gia mô hình. Mô hình (K – T – Sr) có số hộ tham gia thấp nhất (2/45 hộ), chỉ có 02 hộ tham gia, phân bố tại 2 làng Kueng Thoa và Tào Kuk. Điều này chứng tỏ, mô hình (Bl – Cf – T) thu hút sự quan tâm của người dân hơn so với các loại mô hình khác.

3.2. Hiệu quả các mô hình NLKH tại xã IaPal, huyện Chư Sê

3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Ngoài hoạt động sản xuất nông – lâm nghiệp, các hộ gia đình còn có nguồn thu nhập khác từ kinh doanh (bán tạp hoá), làm thuê... Do đó, khi đánh giá hiệu quả kinh tế từ mô hình NLKH, nguồn thu nhập từ các hoạt động này được loại trừ. Lợi nhuận kinh tế từ mô hình NLKH của các hộ gia đình tham gia phỏng vấn được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của các dạng mô hình NLKH/năm

S T T	Dạng mô hình	Số hộ điều tra	Tổng diện tích (ha)	Tổng thu (triệu đồng/Σha)	Tổng chi (triệu đồng/Σha)	Lợi nhuận (triệu đồng/Σha)	Bình quân lợi nhuận (triệu đồng/ha)
1	Bl – Cf – T	22	20,45	1805,9	848,1	957,8	46,84
2	Bl – T – Sr	13	10,6	914,5	413,2	501,3	47,29
3	Cf – Sr – B	4	1,75	219,8	113	106,8	61,03
4	Cf – T – Sr	4	3,1	295,7	155,3	140,4	45,29

5	K – T – Sr	2	0,7	81,3	37	44,3	63,29
Tổng		45	36,6	3317,2	1566,6	1750,6	47,83

Hiệu quả kinh tế mang lại từ các mô hình nông – lâm kết hợp có sự khác nhau. Mô hình (K – T – Sr) có số hộ tham gia ít nhất (2/45 hộ), diện tích triển khai thấp nhất (0,7 ha) nhưng đạt hiệu quả kinh tế cao nhất (63,29 triệu/ha/năm). Mô hình (Cf – T – Sr) có hiệu quả kinh tế thấp nhất với 45,29 triệu/ha/năm. Trong 5 mô hình nghiên cứu được khảo sát, mô hình (Bl – Cf – T) có số hộ tham gia nhiều nhất 22/45 hộ với diện tích 20,45 hecta có tổng thu nhập bình quân 46,84 triệu đồng/ha/năm. Có những dạng mô hình đầu tư cao nhưng không đem lại hiệu quả và ngược lại. Vì vậy, để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho mỗi dạng mô hình khác nhau cần phải cân bằng sản xuất các thành phần trong hệ thống một cách khoa học và hợp lý, tận dụng các nguồn lực có sẵn một cách tốt nhất, khai thác một cách hợp lý những gì đang có tại gia đình, địa phương để đem lại hiệu quả kinh tế tối ưu nhất cho các hộ.

Trong 5 mô hình điển hình tại xã Ia Pal, tỷ lệ thu và chi từ các thành phần của mô hình là không đồng đều và có sự chênh lệch rõ rệt. Đối với các mô hình chủ yếu là cây công nghiệp thì tổng chi phí đầu tư cho mô hình cao hơn (mô hình Cf – Sr – B) so với cây lâm nghiệp (mô hình K – T – Sr). Cũng trong 5 mô hình này, chỉ có một mô hình bố trí thêm cây lâm nghiệp là cây Keo lai. Theo người dân, tại mô hình (K – T – Sr) chi phí ít, chi tốn tiền chi phí cho giống cây, phân bón trong giai đoạn đầu, còn sau khi cây đã lớn chỉ tốn công làm cỏ.

3.2.2. Hiệu quả môi trường

Trong quá trình đánh giá hiệu quả bảo vệ môi trường của các dạng mô hình NLKH, trong khuôn khổ bài báo này chỉ có thể đánh giá một cách khái quát thông qua phương pháp cho điểm với những tiêu chí nhất định. Ở mỗi tiêu chí đưa ra, dạng mô hình nào có khả năng bảo vệ môi trường tốt nhất thì cho điểm cao nhất và ngược lại.

Bảng 3. Kết quả cho điểm đánh giá hiệu quả bảo vệ môi trường của các dạng mô hình NLKH

Tiêu chí	Bl-Cf-T	Bl-T-Sr	Cf-T-Sr	Cf-Sr-B	K-T-Sr
Hạn chế xói mòn	9	9	8	8	7
Độ che phủ	8	8	7	8	7
Cải tạo đất	7	7	8	9	6
Giữ nước	7	8	8	9	7
Tận dụng đất đai tốt	8	9	8	8	7
Mức độ đầu tư thấp	7	8	8	7	8
Ít rủi ro	8	8	9	10	8
Hiệu quả kinh tế cao	9	8	9	9	8
Kỹ thuật đơn giản	8	7	8	8	8
Tổng điểm	71	72	73	76	66
Thứ tự ưu tiên	IV	III	II	I	V

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình nông lâm kết hợp và đề xuất các giải pháp phát triển ...

Mô hình (Cf – Sr – B) đạt số điểm cao nhất đối với các tiêu chí điều tra là 76 điểm, xếp thứ tự ưu tiên cao nhất. Mô hình (K – T – Sr) có số điểm thấp nhất với 66 điểm. Sự chênh lệch về điểm giữa các tiêu chí đối với từng dạng mô hình là không lớn lắm, cho thấy hiệu quả bảo vệ môi trường của các dạng mô hình NLKH này là khá tốt và có hiệu quả cao trên địa bàn nghiên cứu. đảm bảo về hiệu quả bảo vệ môi trường có thể lựa chọn triển khai mô hình (Cf – Sr – B) để phát triển.

3.2.3. Hiệu quả về xã hội

Trong mỗi loại mô hình sản xuất NLKH đều cần sử dụng và có số lao động khác nhau. loại mô hình nào có số lao động rải đều khắp cả năm thì được đông đảo người dân chấp nhận và áp dụng nhiều trong sản xuất.

Bảng 4. Kết quả điều tra các dạng hệ thống theo số ngày công

Số CLĐ	(CLĐ/ha/năm)					Tổng
	Bl-Cf-T	Bl-T-Sr	Cf-T-Sr	Cf-Sr-B	K-T-Sr	
300 – 400	9	4	1	1	0	15
>400 – 500	5	4	2	1	2	14
>500 – 600	3	2	1	2	0	8
>600 – 700	2	2	0	0	0	4
>700 – 800	2	1	0	0	0	3
>800 – 900	1	0	0	0	0	1
Tổng	22	13	4	4	2	45

Số ngày công các hộ gia đình bỏ ra ở mỗi dạng mô hình là khác nhau. Số CLĐ/ha/năm dao động từ 300 CLĐ đến 900 CLĐ. Trong đó, mức 300 – 400 CLĐ/ha/năm có số hộ bỏ ra nhiều nhất với 15/45 hộ, tiếp theo là mức >400 – 500 CLĐ/ha/năm có 14/45 hộ, thấp nhất là mức >800 – 900 CLĐ/ha/năm với 1/45 hộ. Hầu hết các dạng mô hình có số CLĐ/ha/năm tập trung nhiều ở mức từ 300 – 600 CLĐ với 37/45 hộ.

Ở mỗi dạng mô hình cũng có sự phân hoá các mức CLĐ/ha/năm. Dạng mô hình (Bl – Cf – T) có số công lao động rải đều các mức, tập trung nhiều nhất ở mức 300 – 400 CLĐ/ha/năm với 9/22 hộ. Trong khi đó, mô hình (K – T – Sr) lại tập trung ở mức >400 – 500 CLĐ/ha/năm. Điều này cho thấy rằng, đối với mô hình có cây lâm nghiệp số CLĐ/ha/năm đạt được sự ổn định hơn, do sau khi cây lớn chỉ tốn công làm cỏ.

3.2.4. Đánh giá tổng hợp hiệu quả các mô hình NLKH

Để đánh giá một cách tổng CLĐ hiệu quả của các mô hình NLKH tại xã IaPal từ đó đề xuất mô hình tối ưu nhất trong năm mô hình để khuyến khích người dân áp dụng nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Bảng 5. Kết quả đánh giá hiệu quả của các mô hình NLKH tại xã IaPal

S	T	Mô hình	Kinh tế			Xã hội		Môi trường		Tổng điểm
			Chi phí	Lợi nhuận	Mức độ hài lòng	Số hộ áp dụng	Khả năng nhân rộng	Bảo vệ đất	Bảo vệ nước	
1		Bl - Cf - T	0,6	0,8	0,8	0,6	0,6	0,8	0,8	5,0
2		Bl - T - Sr	0,6	0,6	0,8	0,4	0,4	0,8	0,6	4,2
3		Cf - Sr - B	0,4	0,6	0,6	0,4	0,6	0,8	0,6	4,0
4		Cf - T - Sr	0,8	0,8	0,6	0,2	0,4	0,6	0,4	3,8
5		K - T - Sr	0,6	1	0,6	0,4	0,4	0,8	0,6	4,4

Khi phân tích tổng hợp các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường của 5 mô hình thì mô hình (Bl – Cf – T) đạt số điểm cao nhất (5,0 điểm), tiếp theo là mô hình (K – T – Sr) đạt 4,4 điểm và thấp nhất là mô hình (Cf – T – Sr) chỉ đạt 3,8 điểm. Qua đó, có thể chọn mô hình (Bl – Cf – T) cho nông dân triển khai thực hiện để đạt hiệu quả tốt nhất.

3.3. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển mô hình NLKH tại xã Ia Pal, huyện Chư Sê

Qua nghiên cứu, vai trò của các tổ chức xã hội tại địa phương có ảnh hưởng đến sự phát triển của mô hình NLKH tại xã Ia Pal.



Hình 1. Sơ đồ VENN biểu hiện mối quan hệ của các tổ chức xã hội phát triển NLKH

Qua kết quả điều tra, trong quá trình sản xuất, người dân được rất nhiều tổ chức, đoàn thể giúp đỡ. Trong đó, 4 tổ chức có vai trò, nhiệm vụ rất quan trọng là Ủy Ban Nhân Dân (UBND), quỹ xóa đói giảm nghèo, hội nông dân, giáo dục và khuyến nông khuyến lâm. Sự giúp đỡ của các tổ chức xã hội là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển hệ thống NLKH, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ, xóa đói giảm nghèo làm thay đổi bộ mặt xã.

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình nông lâm kết hợp và đề xuất các giải pháp phát triển ...

Bảng 6. Phân tích bảng SWOT cho sự phát triển các mô hình NLKH tại xã Ia Pal

S: Điểm mạnh		W: Điểm yếu	
- Quỹ đất phục vụ cho sản xuất nhiều.	- Thiếu vốn sản xuất.	- Thiếu vốn sản xuất.	
- Giao thông đi lại ngày càng được nâng cấp khá thuận tiện.	- Yếu tố về kĩ thuật sản xuất, lao động chưa qua đào tạo.	- Yếu tố về kĩ thuật sản xuất, lao động chưa qua đào tạo.	
- Nguồn lao động dồi dào.	- Thiếu giống cây trồng vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt.	- Thiếu giống cây trồng vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt.	
- Người dân ham học hỏi và chịu khó lao động.	- Chưa phát huy tốt các giống bản địa đa tác dụng.	- Chưa phát huy tốt các giống bản địa đa tác dụng.	
- Phong trào xây dựng các mô NLKH được người dân nhiệt tình tham gia ủng hộ.			
O: Cơ hội		T: Thách thức	
- Có dự án 135 xóa đói giảm nghèo.	- Sâu bệnh, dịch hại.	- Sâu bệnh, dịch hại.	
- Có rất nhiều chương trình chuyển giao kĩ thuật của huyện đến bà con.	- Thị trường đầu ra cho các sản phẩm chưa thực sự ổn định.	- Thị trường đầu ra cho các sản phẩm chưa thực sự ổn định.	
- Các tổ chức, đoàn thể (hội nông dân, quỹ xóa đói giảm nghèo ...) rất quan tâm đến sự phát triển kinh tế của xã.	- Thiên tai đe dọa: cháy rừng, lũ quét, rét đậm, rét hại...	- Thiên tai đe dọa: cháy rừng, lũ quét, rét đậm, rét hại...	

Qua quá trình điều tra thực địa và phân tích các số liệu sơ cấp từ xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, chúng tôi đã tổng hợp được các khó khăn, đưa ra giải pháp và dự kiến hoạt động hiệu quả hơn đối với các mô hình NLKH theo bảng 7.

Bảng 7. Tổng hợp các khó khăn, giải pháp và dự kiến hoạt động

Lĩnh vực	Khó khăn	Giải pháp	Dự kiến hoạt động
Trồng trọt	- Sản xuất nhỏ lẻ, không tập trung. - Địa hình đồi núi phức tạp. - Kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế, chưa áp dụng được KHKT tiến bộ.	- Cần có sự hướng dẫn, quy hoạch sản xuất hiệu quả. - Tìm giống và biện pháp canh tác phù hợp điều kiện địa phương và đáp ứng thị trường.	- Xây dựng nhà khuyến nông xã cung cấp giống, vật tư sản xuất và tư vấn cho người dân.
Cây công nghiệp	- Sâu bệnh hại còn nhiều	- Phòng trừ sâu bệnh hại	- Cán bộ xã tìm các công ty, xưởng thu

	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu giống cây trồng vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt. - Chưa phát huy tốt các giống bản địa đa tác dụng. - Thị trường tiêu thụ chưa ổn định - Mất mùa 	<ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục khó khăn, bất lợi của thiên nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> mua nông sản để ký kết, bán sản phẩm ổn định cho xã. - Xây dựng các đường băng cản lửa, đê ngăn lũ và các biển báo thiên tai tại các khu vực trọng yếu - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định
Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn sản xuất của người dân ít. - Vốn vay còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm nguồn vốn đầu tư. - Giảm lãi suất cho vay 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút các chương trình dự án phi chính phủ đầu tư cho người dân. - Thành lập quỹ nông dân.
Thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường tiêu thụ hẹp. - Giá cả bất ổn định - Cạnh tranh giá và sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm. - Sản xuất các mặt hàng đặc biệt, lạ, phù hợp với điều kiện địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp chợ thường xuyên hơn (hiện tại 5 ngày 1 phiên chợ) - Mở rộng thị trường

3.4. Đề xuất giải pháp phát triển các mô hình NLKH hiệu quả và bền vững

Từ kết quả nghiên cứu bài báo đã đề xuất những giải pháp cụ thể trước mắt để phát triển mô hình NLKH tại xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

- **Về giải pháp nhân rộng:** Mô hình B1 – Cf – T có thể triển khai nhân rộng trên toàn xã. Vì đây là mô hình mang lại hiệu quả ổn định nhất trong 5 mô hình. Nhưng trên thực tế hiện nay tại xã IaPal hiện tượng Tiêu bị bệnh chết nhanh chết chậm đang gây thiệt hại lớn trong sản xuất kinh doanh của người dân. Từ đó, người dân dần

Đánh giá hiệu quả của một số mô hình nông lâm kết hợp và đề xuất các giải pháp phát triển ...

chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong mô hình cây ăn trái như bơ và Sầu riêng sẽ thay thế cây Tiêu.

- **Về kỹ thuật:** Xã cần kết hợp với Trung tâm khuyến nông khuyến lâm huyện tổ chức nhiều hơn nữa các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Thu hút các chương trình, tổ chức phi chính phủ; Phổ biến kỹ thuật trồng và chăm sóc cho nông dân. Giới thiệu các mô hình NLKH điển hình, hiệu quả, sáng tạo, đem lại hiệu quả cao.

- **Về vốn:** cần tạo điều kiện giúp đỡ người dân vay vốn với lãi suất thấp, tìm nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, chương trình, dự án phát triển nông thôn. Đối với các hộ nghèo và cận nghèo thì UBND cần có những chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện cho họ phát triển tốt hơn; Hướng dẫn người dân tự huy động và sử dụng vốn.

- **Về lao động:** phòng khuyến nông cần tăng cường các buổi tập huấn về công tác trồng và chăm sóc cây trồng. Cử cán bộ có trình độ hướng dẫn người dân trong thiết kế và chăm sóc các mô hình cây trồng.

- **Về giống:** Sử dụng, tuyên truyền, phổ biến đưa các loại giống cây trồng, vật nuôi mới, các loại giống phù hợp với điều kiện của xã, đồng thời cho năng suất cao để thay thế những loại cây trồng, vật nuôi cũ năng suất thấp hơn. Tiếp tục sử dụng các giống đặc sản, bản địa được ưa chuộng trên thị trường của địa phương.

- **Về dịch bệnh:** Xã nên thực hiện phương châm toàn dân tham gia phòng, diệt trừ dịch bệnh và sâu hại thường xuyên, kịp thời và triệt để. Cán bộ cùng người dân tích cực theo dõi diễn biến trong quá trình sản xuất, kịp thời phát hiện dịch bệnh, tránh để dịch bệnh phát triển trên diện rộng. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung tiện cho công tác theo dõi, dự báo và phòng trừ dịch bệnh.

- **Về thiên tai:** Cần tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong việc phòng chống thiên tai. Xây dựng các băng cản lửa, đê ngăn lũ ở những vùng trọng điểm. Cùng với các sở ban ngành tập huấn và hướng dẫn người dân cách dự báo và phòng chống thiên tai. Phát huy tinh thần đoàn kết của người dân trong phòng chống cháy rừng, lũ lụt, hạn hán.

- **Về cơ sở hạ tầng:** Cần nâng cấp, cải tạo các tuyến đường vào các thôn. Xã cần mở rộng các mối liên hệ với các đơn vị chế biến để giúp cho người dân tìm đầu ra cho sản phẩm, giúp người dân yên tâm đầu tư sản xuất.

4. KẾT LUẬN

Xã Ia Pal là một xã có sự đa dạng trong việc phát triển các mô hình NLKH. Qua điều tra thực tế cho thấy có 5 dạng mô hình điển hình đang được áp dụng phổ biến là

mô hình (Bl – Cf – T), mô hình (Bl – T – Sr), mô hình (Cf – T – Sr), mô hình (Cf – Sr – B), mô hình (K – T – Sr). Trong đó mô hình (Bl – Cf – T) được người dân sử dụng nhiều nhất 22/45 hộ, ít nhất là mô hình (K – T – Sr) có 2/45 hộ. Các mô hình (Bl – Cf – T), (Bl – T – Sr), (Cf – T – Sr) mang lại hiệu quả khá ổn định bình quân đạt từ 45,29 đến 63,29 triệu đồng/ha/năm. Dạng mô hình (K – T – Sr) được các hộ áp dụng ít do đặc thù của mô hình này cần sự hiểu biết nhất định về cách chăm sóc, kỹ thuật nuôi trồng, nguồn vốn và thị trường tiêu thụ.

Để các mô hình NLKH phát triển bền vững và mang lại hiệu quả tối ưu cho người lao động bài báo đã đề xuất các giải pháp: về kỹ thuật, về vốn, về lao động, giống cây trồng, vật nuôi, các giải pháp về dịch bệnh, thiên tai để đảm bảo phát triển kinh tế hộ gia đình. Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng tại xã và các hộ trong thôn tạo điều kiện cho người dân sản xuất và đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn để đem lại hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Thị Nhi, 2018. *Tìm hiểu hiệu quả kinh tế của các mô hình nông lâm kết hợp điển hình tại xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai*. Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Hoàng Sơn, 2013. *Đánh giá tổng hợp hiệu quả của các mô hình Nông lâm kết hợp theo hướng phát triển bền vững dọc hành lang đường Hồ Chí Minh đoạn qua A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế*. *Tạp chí khoa học Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh*. Số 47 năm 2013.
- [3]. Đàm Văn Vinh, 2011. *Đánh giá hiệu quả của một số hệ thống Nông lâm kết hợp tại địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên*. Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
- [4]. Ủy ban nhân dân xã Ia Pal, 2018. *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 3 năm (2016 - 2018)*, UBND xã IaPal.

SOME SOLUTIONS FOR DEVELOPING COMBINED AGRICULTURAL MODELS AT IA PAL COMMUNE, CHU SE DISTRICT, GIA LAI PROVINCE

Nguyen Thi Thu, Dang Le Thanh Lien, Nguyen Hoang Dieu Minh*

Branch of Ho Chi Minh City, University of Agriculture and Forestry in Gia Lai

*Email: nghdieuminh@hcmuaf.edu.vn

ABSTRACT

In Ia Pal commune, Chu se district Gia Lai province, there are 5 typical agroforestry models: (Litsea – Coffee – Pepper); (Litsea – Pepper – Durian); (Coffee – Pepper – Durian); (Coffee – Durian – Avocado); (Acacia – Pepper – Durian). The study focus on the favorable and difficult conditions, economic efficiency of the models. Therefore, the study has also proposed some solutions to develop agroforestry models in the research area to achieve the best efficiency.

Keywords: agroforestry, agroforestry development, agroforestry model.



Nguyễn Thị Thu sinh ngày 02/11/1981 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp đại học chuyên ngành Lâm sinh năm 2004 tại trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh; tốt nghiệp thạc sĩ ngành Lâm sinh năm 2008 tại trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Hiện bà đang công tác tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Phân hiệu tại Gia Lai.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lâm nghiệp xã hội, Kiến thức bản địa, trồng rừng.



Đặng Lê Thanh Liên sinh ngày 19/10/1987 tại Gia Lai. Bà tốt nghiệp đại học chuyên ngành Lâm sinh năm 2009 tại Phân hiệu trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai; tốt nghiệp thạc sĩ ngành Lâm học năm 2012 tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Hiện bà đang công tác tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Phân hiệu tại Gia Lai.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lâm sinh.



Nguyễn Hoàng Diệu Minh sinh ngày 18/12/1986 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2009, bà tốt nghiệp chuyên ngành Sư phạm Sinh tại trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Năm 2011, bà nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Sinh học động vật tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bà hiện đang công tác tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Phân hiệu tại Gia Lai.

Lĩnh vực nghiên cứu: Động vật học, Sinh học động vật, Sinh thái học.